

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10614 /STNMT.VPĐK

Đồng Nai, ngày 15 tháng 11 năm 2024

V/v sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh
Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 theo Nghị quyết số
1194/NQ-UBTVQH15.

Kính gửi:

- UBND thành phố Biên Hoà;
- UBND thành phố Long Khánh;
- UBND huyện Tân Phú;
- UBND huyện Vĩnh Cửu.

Thực hiện Nghị quyết số 1194/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.

Thực hiện Văn bản số 13192/UBND-KTN ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v chủ trương thực hiện biên tập Bản đồ địa chính, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính các xã, phường theo Nghị quyết số 1194/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024.

Đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện việc chuyển đổi trên cơ sở dữ liệu đất đai xong và tiến hành biên tập Bản đồ địa chính các phường, xã theo Nghị quyết số 1194/NQ-UBTVQH15, có 02 thành phố và 02 huyện có thay đổi địa giới hành chính đơn vị cấp xã. Theo đó số tờ bản đồ bản đồ địa chính của phường, xã (cũ) sau khi nhập vào phường, xã (mới) được thay đổi đánh lại số tờ bản đồ địa chính, cụ thể thay đổi như sau:

I. Thành phố Biên Hòa

1. Chuyển toàn bộ số tờ bản đồ của phường Hòa Bình và điều chỉnh một phần số tờ bản đồ của phường Tân Phong để nhập vào phường Quang Vinh (Đính kèm danh sách các tờ bản đồ của phường Hòa Bình và một phần số tờ bản đồ phường Tân Phong chuyển vào phường Quang Vinh).

2. Chuyển toàn bộ số tờ bản đồ của phường Thanh Bình, phường Quyết Thắng và điều chỉnh một phần số tờ bản đồ của phường Tân Phong để nhập vào phường Trung Dũng (Đính kèm Danh sách các tờ bản đồ của phường Thanh Bình, phường Quyết Thắng và một phần số tờ bản đồ phường Tân Phong chuyển vào phường Trung Dũng).

3. Chuyển toàn bộ sổ tờ bản đồ của phường Tân Tiến vào phường Tân Mai (*Đính kèm danh sách các tờ bản đồ của phường Tân Tiến chuyển vào phường Tân Mai*).

4. Chuyển toàn bộ sổ tờ bản đồ của phường Tam Hòa vào phường Bình Đa (*Đính kèm danh sách các tờ bản đồ của phường Tam Hòa chuyển vào phường Bình Đa*).

II. Thành phố Long Khánh

Chuyển toàn bộ sổ tờ bản đồ của phường Xuân Trung và phường Xuân Thanh vào phường Xuân An (*Đính kèm danh sách các tờ bản đồ của phường Xuân Trung và phường Xuân Thanh chuyển vào phường Xuân An*).

III. Huyện Tân Phú

1. Chuyển toàn bộ sổ tờ bản đồ của xã Phú Trung vào xã Phú Sơn (*Đính kèm danh sách các tờ bản đồ của xã Phú Trung chuyển vào xã Phú Sơn*).

2. Chuyển một phần sổ tờ bản đồ của xã Núi Tượng để nhập vào xã Phú Lập (*Đính kèm danh sách một phần các tờ bản đồ của xã Núi Tượng chuyển vào xã Phú Lập*).

3. Chuyển toàn bộ sổ tờ bản đồ còn lại của xã Núi Tượng sau khi điều chỉnh vào xã Nam Cát Tiên (*Đính kèm danh sách sổ tờ bản đồ còn lại của xã Núi Tượng sau khi điều chỉnh vào xã Nam Cát Tiên*).

IV. Huyện Vĩnh Cửu:

1. Chuyển toàn bộ sổ tờ bản đồ của xã Hiếu Liêm vào xã Trị An (*Đính kèm danh sách sổ tờ bản đồ của xã Hiếu Liêm chuyển vào xã Trị An*).

2. Chuyển toàn bộ sổ tờ bản đồ của xã Bình Hòa vào xã Tân Bình (*Đính kèm danh sách sổ tờ bản đồ của xã Bình Hòa chuyển vào xã Tân Bình*).

Như vậy, để thuận tiện trong công tác quản lý tại các địa phương và tạo điều kiện cho người sử dụng đất thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện các quyền sử dụng đất. Sở Tài nguyên Môi trường đề nghị UBND thành phố Biên Hoà; UBND thành phố Long Khánh; UBND huyện Tân Phú và UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện việc gửi thông báo đến các UBND các phường, xã có thay đổi địa giới theo Nghị quyết số 1194/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thực hiện thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo đến các tổ khu phố, ấp và công khai “Danh sách các tờ bản đồ địa chính” có thay đổi tại trụ sở UBND; Văn phòng

các khu phố (ấp),... để các tổ chức và cá nhân trên địa bàn các xã, phường nêu trên biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Giám đốc, các Phó Giám đốc (báo cáo);
 - UBND tỉnh (báo cáo);
 - Sở Nội vụ (báo cáo);
 - Sở Tư pháp (báo cáo);
 - Phòng Công chứng, Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phối hợp);
 - Phòng Đất đai, Phòng Quy hoạch (phối hợp);
 - VPĐK tỉnh, TTCNTT (phối hợp);
 - Lưu: VT, VPĐK.KTĐC (02b)
- <ThanhUy/2024/Thuc hien NQ1194>.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thường

**BẢNG TỔNG HỢP CHUYÊN ĐỔI THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 1194/NQ-UBTVQH 15 NGÀY 28/9/2024
Huyện Tân Phú**

STT	Thông tin trước sát nhập		Thông tin sau sát nhập		Ghi chú
	Xã (phường)	Số tờ	Xã (phường)	Số tờ	
1	Phú Trung	1	Phú Sơn	28	
2	Phú Trung	2	Phú Sơn	29	
3	Phú Trung	3	Phú Sơn	30	
4	Phú Trung	4	Phú Sơn	31	
5	Phú Trung	5	Phú Sơn	32	
6	Phú Trung	6	Phú Sơn	33	
7	Phú Trung	7	Phú Sơn	34	
8	Phú Trung	8	Phú Sơn	35	
9	Phú Trung	9	Phú Sơn	36	
10	Phú Trung	10	Phú Sơn	37	
11	Phú Trung	11	Phú Sơn	38	
12	Phú Trung	12	Phú Sơn	39	
13	Phú Trung	13	Phú Sơn	40	
14	Phú Trung	14	Phú Sơn	41	
15	Phú Trung	15	Phú Sơn	42	
16	Phú Trung	16	Phú Sơn	43	
17	Phú Trung	17	Phú Sơn	44	
18	Phú Trung	18	Phú Sơn	45	
19	Phú Trung	19	Phú Sơn	46	
20	Phú Trung	20	Phú Sơn	47	
21	Phú Trung	21	Phú Sơn	48	
22	Phú Trung	22	Phú Sơn	49	
23	Phú Trung	23	Phú Sơn	50	
24	Phú Trung	24	Phú Sơn	51	
25	Phú Trung	25	Phú Sơn	52	
26	Phú Trung	26	Phú Sơn	53	
27	Phú Trung	27	Phú Sơn	54	
28	Phú Trung	28	Phú Sơn	55	
29	Phú Trung	29	Phú Sơn	56	
30	Phú Trung	30	Phú Sơn	57	
31	Phú Trung	31	Phú Sơn	58	
32	Phú Trung	32	Phú Sơn	59	
33	Phú Trung	33	Phú Sơn	60	
34	Phú Trung	34	Phú Sơn	61	
35	Phú Trung	35	Phú Sơn	62	



Tổng số tờ bản đồ địa chính xã Phú Sơn sau sát nhập thành 62 tờ					
1	Núi Tượng	9	Phú Lập	31	
2	Núi Tượng	12	Phú Lập	32	
3	Núi Tượng	13	Phú Lập	33	
4	Núi Tượng	14	Phú Lập	34	
5	Núi Tượng	15	Phú Lập	35	
6	Núi Tượng	16	Phú Lập	36	
7	Núi Tượng	17	Phú Lập	37	
8	Núi Tượng	18	Phú Lập	38	
9	Núi Tượng	19	Phú Lập	39	
10	Núi Tượng	21	Phú Lập	40	
11	Núi Tượng	22	Phú Lập	41	
12	Núi Tượng	11	Phú Lập	42	Một phần tờ
13	Núi Tượng	20	Phú Lập	43	Một phần tờ
Tổng số tờ bản đồ địa chính xã Phú Lập sau sát nhập thành 43 tờ					
1	Núi Tượng	1	Nam Cát Tiên	25	
2	Núi Tượng	2	Nam Cát Tiên	26	
3	Núi Tượng	3	Nam Cát Tiên	27	
4	Núi Tượng	4	Nam Cát Tiên	28	
5	Núi Tượng	5	Nam Cát Tiên	29	
6	Núi Tượng	6	Nam Cát Tiên	30	
7	Núi Tượng	7	Nam Cát Tiên	31	
8	Núi Tượng	8	Nam Cát Tiên	32	
9	Núi Tượng	10	Nam Cát Tiên	33	
10	Núi Tượng	23	Nam Cát Tiên	34	
11	Núi Tượng	24	Nam Cát Tiên	35	
12	Núi Tượng	25	Nam Cát Tiên	36	
13	Núi Tượng	26	Nam Cát Tiên	37	
14	Núi Tượng	11	Nam Cát Tiên	38	Một phần tờ
15	Núi Tượng	20	Nam Cát Tiên	39	Một phần tờ
Tổng số tờ bản đồ địa chính xã Nam Cát Tiên sau sát nhập thành 39 tờ					



**BẢNG TỔNG HỢP CHUYỂN ĐỔI THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 1194/NQ-UBTVQH 15 NGÀY 28/9/2024**

Thành phố Long Khánh

STT	Thông tin trước sát nhập		Thông tin sau sát nhập		Ghi chú
	Xã (phường)	Số tờ	Xã (phường)	Số tờ	
1	Xuân Trung	1	Xuân An	24	
2	Xuân Trung	2	Xuân An	25	
3	Xuân Trung	3	Xuân An	26	
4	Xuân Trung	4	Xuân An	27	
5	Xuân Trung	5	Xuân An	28	
6	Xuân Trung	6	Xuân An	29	
7	Xuân Trung	7	Xuân An	30	
8	Xuân Trung	8	Xuân An	31	
9	Xuân Trung	9	Xuân An	32	
10	Xuân Trung	10	Xuân An	33	
11	Xuân Trung	11	Xuân An	34	
12	Xuân Trung	12	Xuân An	35	
13	Xuân Trung	13	Xuân An	36	
14	Xuân Trung	14	Xuân An	37	
15	Xuân Trung	15	Xuân An	38	
16	Xuân Trung	16	Xuân An	39	
17	Xuân Trung	17	Xuân An	40	
18	Xuân Trung	18	Xuân An	41	
19	Xuân Thanh	1	Xuân An	42	
20	Xuân Thanh	2	Xuân An	43	
21	Xuân Thanh	3	Xuân An	44	
22	Xuân Thanh	4	Xuân An	45	
23	Xuân Thanh	5	Xuân An	46	
24	Xuân Thanh	6	Xuân An	47	
25	Xuân Thanh	7	Xuân An	48	
26	Xuân Thanh	8	Xuân An	49	
27	Xuân Thanh	9	Xuân An	50	
28	Xuân Thanh	10	Xuân An	51	
29	Xuân Thanh	11	Xuân An	52	
30	Xuân Thanh	12	Xuân An	53	
31	Xuân Thanh	13	Xuân An	54	
32	Xuân Thanh	14	Xuân An	55	
33	Xuân Thanh	15	Xuân An	56	
34	Xuân Thanh	16	Xuân An	57	



35	Xuân Thanh	17	Xuân An	58	
36	Xuân Thanh	18	Xuân An	59	
Tổng số tờ bản đồ địa chính phường Xuân An sau sát thành nhập 59 tờ					



**BẢNG TỔNG HỢP CHUYỂN ĐỔI THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 1194/NQ-UBTVQH 15 NGÀY 28/9/2024**

Huyện Vĩnh Cửu

STT	Thông tin trước sát nhập		Thông tin sau sát nhập		Ghi chú
	Xã (phường)	Số tờ	Xã (phường)	Số tờ	
1	Bình Hòa	1	Tân Bình	29	
2	Bình Hòa	2	Tân Bình	30	
3	Bình Hòa	3	Tân Bình	31	
4	Bình Hòa	4	Tân Bình	32	
5	Bình Hòa	5	Tân Bình	33	
6	Bình Hòa	6	Tân Bình	34	
7	Bình Hòa	7	Tân Bình	35	
8	Bình Hòa	8	Tân Bình	36	
9	Bình Hòa	9	Tân Bình	37	
10	Bình Hòa	10	Tân Bình	38	
11	Bình Hòa	11	Tân Bình	39	
12	Bình Hòa	12	Tân Bình	40	
13	Bình Hòa	13	Tân Bình	41	
14	Bình Hòa	14	Tân Bình	42	
15	Bình Hòa	15	Tân Bình	43	
16	Bình Hòa	16	Tân Bình	44	
17	Bình Hòa	17	Tân Bình	45	
18	Bình Hòa	18	Tân Bình	46	
19	Bình Hòa	19	Tân Bình	47	
20	Bình Hòa	20	Tân Bình	48	
21	Bình Hòa	21	Tân Bình	49	
22	Bình Hòa	22	Tân Bình	50	
23	Bình Hòa	23	Tân Bình	51	
24	Bình Hòa	24	Tân Bình	52	
25	Bình Hòa	25	Tân Bình	53	
26	Bình Hòa	26	Tân Bình	54	
Tổng số tờ bản đồ địa chính xã Tân Bình sau sát nhập thành 54 tờ					
1	Hiếu Liêm	1	Trị An	40	
2	Hiếu Liêm	2	Trị An	41	
3	Hiếu Liêm	3	Trị An	42	
4	Hiếu Liêm	4	Trị An	43	
5	Hiếu Liêm	5	Trị An	44	
6	Hiếu Liêm	6	Trị An	45	
7	Hiếu Liêm	7	Trị An	46	
8	Hiếu Liêm	8	Trị An	47	



9	Hiếu Liêm	9	Trị An	48	
10	Hiếu Liêm	10	Trị An	49	
11	Hiếu Liêm	11	Trị An	50	
12	Hiếu Liêm	12	Trị An	51	
13	Hiếu Liêm	13	Trị An	52	
14	Hiếu Liêm	14	Trị An	53	
15	Hiếu Liêm	15	Trị An	54	
16	Hiếu Liêm	16	Trị An	55	
17	Hiếu Liêm	17	Trị An	56	
18	Hiếu Liêm	18	Trị An	57	
19	Hiếu Liêm	19	Trị An	58	
20	Hiếu Liêm	20	Trị An	59	
21	Hiếu Liêm	21	Trị An	60	
22	Hiếu Liêm	22	Trị An	61	
23	Hiếu Liêm	23	Trị An	62	
24	Hiếu Liêm	24	Trị An	63	
25	Hiếu Liêm	25	Trị An	64	
26	Hiếu Liêm	26	Trị An	65	
27	Hiếu Liêm	27	Trị An	66	
28	Hiếu Liêm	28	Trị An	67	
29	Hiếu Liêm	29	Trị An	68	
30	Hiếu Liêm	30	Trị An	69	
31	Hiếu Liêm	31	Trị An	70	
32	Hiếu Liêm	32	Trị An	71	
33	Hiếu Liêm	33	Trị An	72	
34	Hiếu Liêm	34	Trị An	73	
35	Hiếu Liêm	35	Trị An	74	
36	Hiếu Liêm	36	Trị An	75	
37	Hiếu Liêm	37	Trị An	76	
Tổng số tờ bản đồ địa chính xã Trị An sau sát nhập thành 76 tờ					



**BẢNG TỔNG HỢP CHUYỂN ĐỔI THEO NGHỊ QUYẾT
SỐ 1194/NQ-UBTVQH 15 NGÀY 28/9/2024**

Thành phố Biên Hòa

STT	Thông tin trước sát nhập		Thông tin sau sát nhập		Ghi chú
	Xã (phường)	Số tờ	Xã (phường)	Số tờ	
1	Hòa Bình	1	Quang Vinh	25	
2	Hòa Bình	2	Quang Vinh	26	
3	Hòa Bình	3	Quang Vinh	27	
4	Hòa Bình	4	Quang Vinh	28	
5	Hòa Bình	5	Quang Vinh	29	
6	Hòa Bình	6	Quang Vinh	30	
7	Hòa Bình	7	Quang Vinh	31	
8	Hòa Bình	8	Quang Vinh	32	
9	Hòa Bình	9	Quang Vinh	33	
10	Hòa Bình	10	Quang Vinh	34	
11	Hòa Bình	11	Quang Vinh	35	
12	Hòa Bình	12	Quang Vinh	36	
13	Hòa Bình	13	Quang Vinh	37	
14	Hòa Bình	14	Quang Vinh	38	
15	Hòa Bình	15	Quang Vinh	39	
16	Tân Phong	22	Quang Vinh	40	
17	Tân Phong	55	Quang Vinh	41	
18	Tân Phong	56	Quang Vinh	42	
Tổng số tờ bản đồ địa chính phường Quang Vinh sau sát nhập thành 42					
1	Tam Hòa	1	Bình Đa	24	
2	Tam Hòa	2	Bình Đa	25	
3	Tam Hòa	3	Bình Đa	26	
4	Tam Hòa	4	Bình Đa	27	
5	Tam Hòa	5	Bình Đa	28	
6	Tam Hòa	6	Bình Đa	29	
7	Tam Hòa	7	Bình Đa	30	
8	Tam Hòa	8	Bình Đa	31	
9	Tam Hòa	9	Bình Đa	32	
10	Tam Hòa	10	Bình Đa	33	
11	Tam Hòa	11	Bình Đa	34	
12	Tam Hòa	12	Bình Đa	35	
13	Tam Hòa	13	Bình Đa	36	
14	Tam Hòa	14	Bình Đa	37	
15	Tam Hòa	15	Bình Đa	38	
16	Tam Hòa	16	Bình Đa	39	

17	Tam Hòa	17	Bình Đa	40	
18	Tam Hòa	18	Bình Đa	41	

Tổng số tờ bản đồ địa chính phường Bình Đa sau sát nhập thành 41 tờ

1	Tân Tiến	1	Tân Mai	37	
2	Tân Tiến	2	Tân Mai	38	
3	Tân Tiến	3	Tân Mai	39	
4	Tân Tiến	4	Tân Mai	40	
5	Tân Tiến	5	Tân Mai	41	
6	Tân Tiến	6	Tân Mai	42	
7	Tân Tiến	7	Tân Mai	43	
8	Tân Tiến	8	Tân Mai	44	
9	Tân Tiến	9	Tân Mai	45	
10	Tân Tiến	10	Tân Mai	46	
11	Tân Tiến	11	Tân Mai	47	
12	Tân Tiến	12	Tân Mai	48	
13	Tân Tiến	13	Tân Mai	49	
14	Tân Tiến	14	Tân Mai	50	
15	Tân Tiến	15	Tân Mai	51	
16	Tân Tiến	16	Tân Mai	52	
17	Tân Tiến	17	Tân Mai	53	
18	Tân Tiến	18	Tân Mai	54	
19	Tân Tiến	19	Tân Mai	55	
20	Tân Tiến	20	Tân Mai	56	
21	Tân Tiến	21	Tân Mai	57	
22	Tân Tiến	22	Tân Mai	58	
23	Tân Tiến	23	Tân Mai	59	
24	Tân Tiến	24	Tân Mai	60	
25	Tân Tiến	25	Tân Mai	61	
26	Tân Tiến	26	Tân Mai	62	
27	Tân Tiến	27	Tân Mai	63	
28	Tân Tiến	28	Tân Mai	64	
29	Tân Tiến	29	Tân Mai	65	

Tổng số tờ bản đồ địa chính phường Tân Mai sau sát nhập thành 65 tờ

1	Thanh Bình	1	Trung Dũng	27	
2	Thanh Bình	2	Trung Dũng	28	
3	Thanh Bình	3	Trung Dũng	29	
4	Thanh Bình	4	Trung Dũng	30	
5	Thanh Bình	5	Trung Dũng	31	
6	Thanh Bình	6	Trung Dũng	32	

